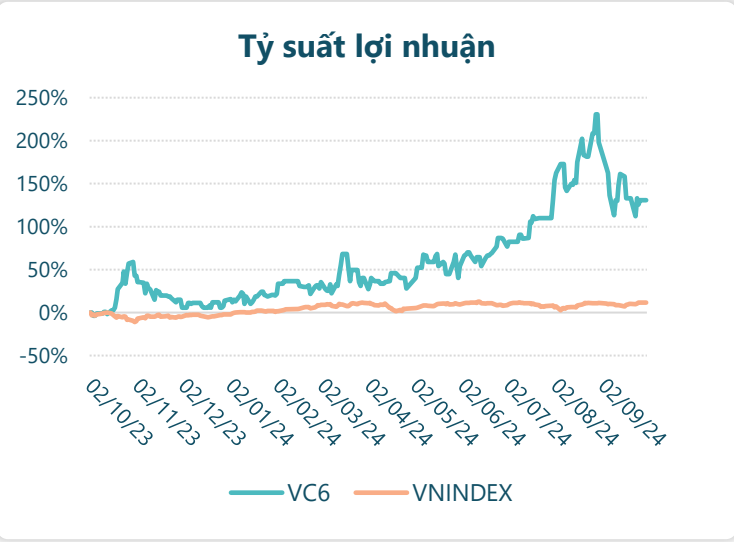


Ngày	22,000 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-22.5%	26.7%	74.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,171 - 31,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	213
Số lượng CPLH (CP)	9,679,686
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,695
Sở hữu nước ngoài	10.9%
Beta	0.17
EPS	3,152
P/E	7.0



Doanh thu thuần
Q3/24

232

tỷ VNĐ

QoQ: ▼380 | -62.1%

YoY: ▼207 | -47.2%

Nợ/VCSH
Q3/24

440%

YoY: +/-▼ 25.5%

LN gộp
Q3/24

15.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼24.6 | -61.8%

YoY: ▲ 3.60 | 31.2%

ROE (TTM)
Q3/24

21.2%

YoY: +/-▲ 1.3%

LN trước thuế
Q3/24

6.59

tỷ VNĐ

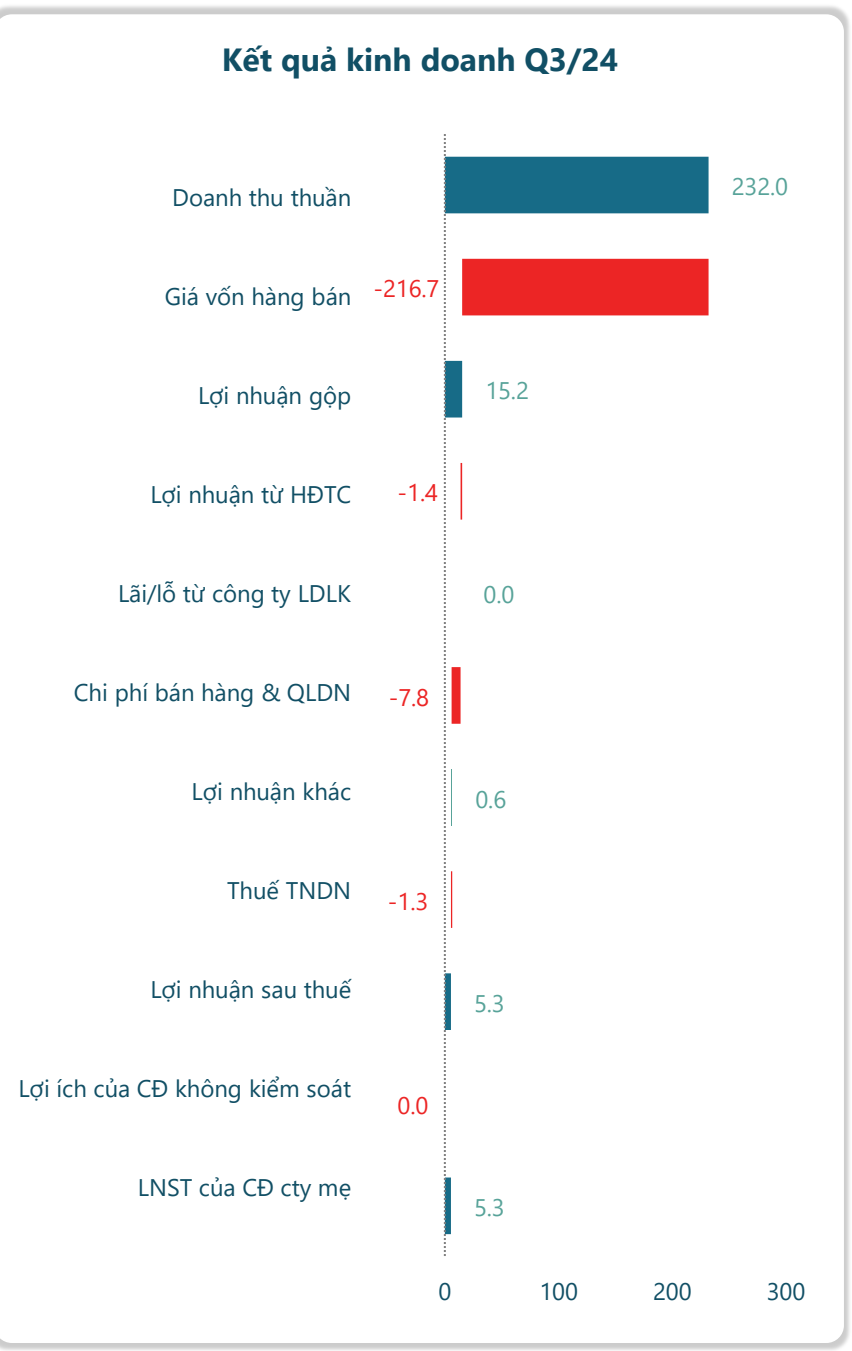
QoQ: ▼7.11 | -51.9%

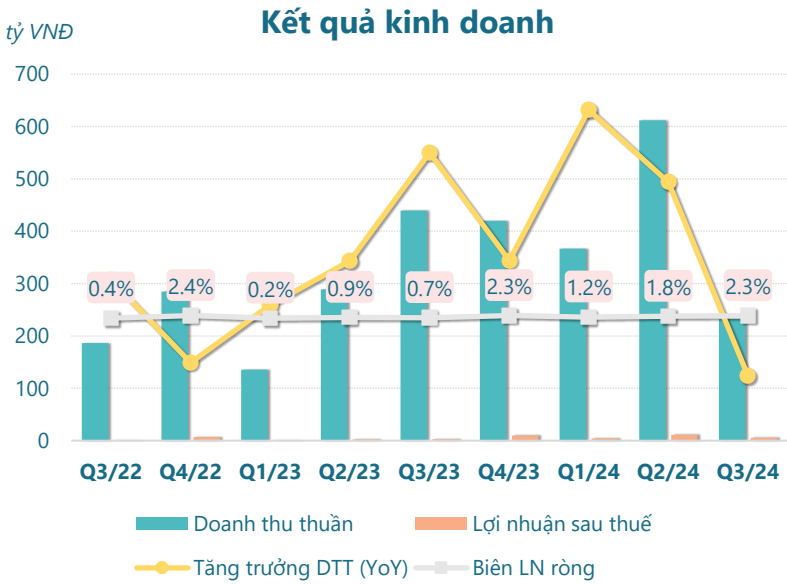
YoY: ▲ 2.87 | 77.2%

ROA (TTM)
Q3/24

4.1%

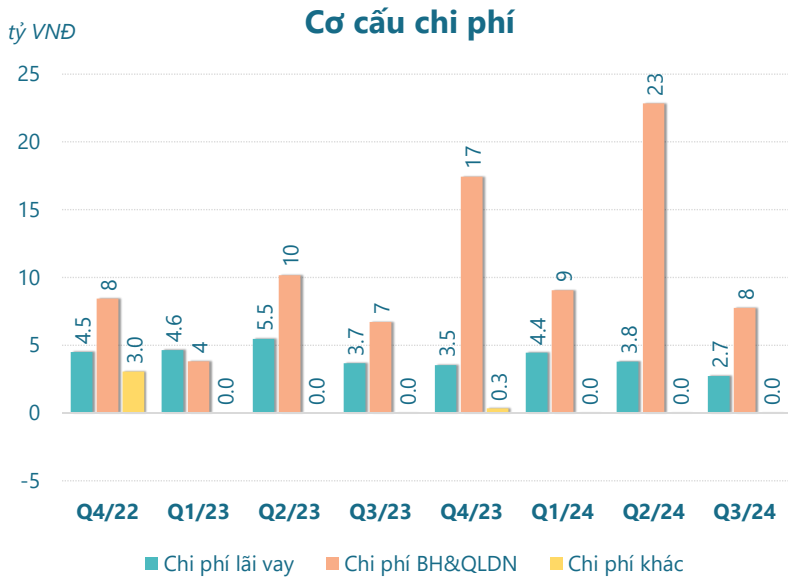
YoY: +/-▲ 0.6%





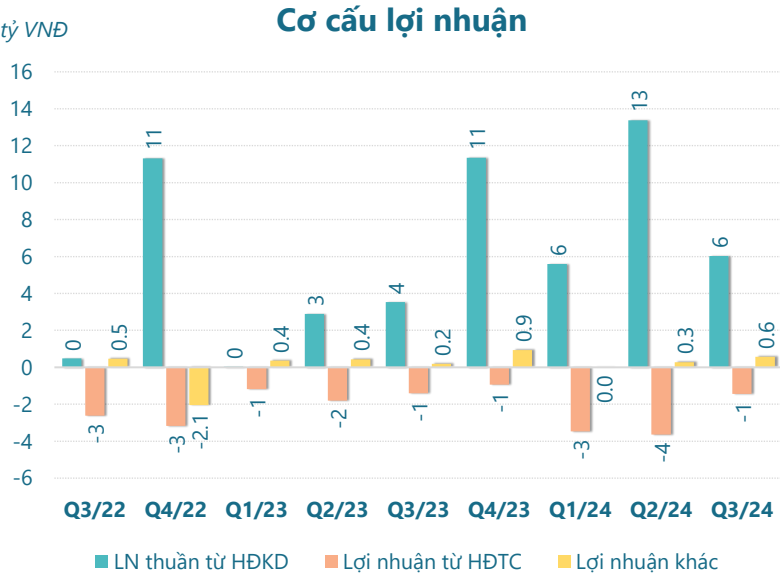
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 6.02 tỷ đồng**, giảm đi 55.0% so với kỳ trước và cao hơn 70.5% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 1.45 tỷ đồng** tăng thêm 2.19 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.05 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.57 tỷ đồng**, tăng thêm 104% so với kỳ trước và cao hơn 200% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VC6** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **232.0 tỷ đồng** giảm đi **47.2%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5.27 tỷ đồng**, **tăng trưởng 77.4%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,210 tỷ đồng** cao hơn 40.2% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 21.00 tỷ đồng** cao hơn 250% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **2.73 tỷ đồng** giảm đi 28.0% so với kỳ trước và thấp hơn 25.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **7.75 tỷ đồng** giảm đi 66.1% so với kỳ trước và cao hơn 15.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	232	612	-62.1%	439	-47.2%	1,210	863	40.1%
Giá vốn hàng bán	217	572	-62.1%	428	-49.4%	1,137	832	36.7%
Lợi nhuận gộp	15.2	39.8	-61.8%	11.6	31.2%	73.2	31.5	132%
Doanh thu HĐTC	1.29	0.16	706%	2.26	-42.9%	3.11	9.37	-66.9%
Chi phí TC	2.73	3.79	-27.8%	3.66	-25.3%	11.7	13.8	-15.3%
Chi phí lãi vay	2.73	3.79	-27.8%	3.66	-25.3%	11.0	13.8	-20.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	7.75	22.8	-66.0%	6.71	15.6%	39.6	20.7	91.5%
LN thuần từ HĐKD	6.02	13.4	-55.1%	3.53	70.6%	25.0	6.46	287%
Lợi nhuận khác	0.57	0.28	104%	0.19	201%	0.85	0.99	-13.6%
LN trước thuế	6.59	13.7	-51.9%	3.72	77.2%	25.8	7.44	247%
Lợi nhuận sau thuế	5.27	10.9	-51.6%	2.97	77.6%	20.7	5.95	247%
LNST của CĐ cty mẹ	5.27	10.9	-51.6%	2.97	77.6%	20.7	5.95	247%

